

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,200,307,180,750	3,089,130,177,364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30,039,786,417	9,933,761,943
1. Tiền	111		30,039,786,417	9,933,761,943
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,066,701,008,141	1,168,110,799,270
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1,066,701,008,141	1,168,110,799,270
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,140,471,577,475	1,075,703,094,075
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	996,339,772,621	989,658,842,138
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	74,999,283,135	45,623,496,900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	71,278,229,845	41,922,750,725
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,145,708,126)	(1,501,995,688)
IV. Hàng tồn kho	140		913,765,514,132	767,866,896,418
1. Hàng tồn kho	141	V.7	973,202,904,054	810,305,892,867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(59,437,389,922)	(42,438,996,449)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49,329,294,585	67,515,625,658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	-	325,044,134
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20,761,298,106	39,415,618,724
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	1,310,352,438	740,845,712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	27,257,644,041	27,034,117,088

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		938,486,654,621	975,873,034,424
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		407,195,231,971	419,471,789,418
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	293,656,181,205	300,348,559,643
<i>Nguyên giá</i>	222		774,603,600,079	742,797,809,110
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(480,947,418,874)	(442,449,249,467)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	54,898,051,089	55,000,117,532
<i>Nguyên giá</i>	228		57,150,167,140	57,050,010,140
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,252,116,051)	(2,049,892,608)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	58,640,999,677	64,123,112,243
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		490,496,687,259	510,843,049,712
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	544,748,611,404	549,862,533,184
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	3,470,150,030	2,045,847,888
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(57,722,074,175)	(41,065,331,360)
V. Tài sản dài hạn khác	260		40,794,735,391	45,558,195,294
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	39,591,273,766	44,354,733,669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,203,461,625	1,203,461,625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,138,793,835,371	4,065,003,211,788

D:140
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
 NH-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

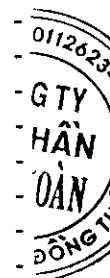
Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,245,617,667,153	2,194,831,356,801
I. Nợ ngắn hạn	310		2,245,617,667,153	2,194,831,356,801
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,557,395,924,387	1,767,545,055,412
2. Phải trả người bán	312	V.20	135,972,023,394	146,830,874,325
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	5,625,938,571.00	8,259,277,553
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	17,594,318,530	9,738,897,906
5. Phải trả người lao động	315	V.23	50,156,989,702	57,175,206,875
6. Chi phí phải trả	316	V.24	6,408,444,649	6,905,020,932
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	360,031,272,394	97,929,180,254
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	69,332,755,526	57,347,843,544
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,893,176,168,218	1,870,171,854,987
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,893,176,168,218	1,870,171,854,987
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	924,039,430,000	924,039,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	216,409,744,645	216,409,744,645
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	752,726,993,573	729,722,680,342
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,138,793,835,371	4,065,003,211,788



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

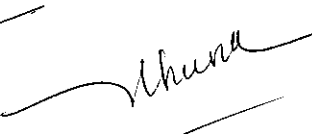
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1,027,151.10	229,294.01
Euro (EUR)		402.07	422.66
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)		3,436	3,436
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

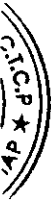
Đồng Tháp, ngày 08 tháng 08 năm 2015


Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	QUÍ 2.2015		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY		Đơn vị tính: VND
		NĂM 2015	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2014	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,447,284,172,784	1,157,350,521,070	2,815,035,743,857	2,069,340,090,634	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2,108,489,932	68,745,560	5,787,239,081	1,484,403,451	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,445,175,682,852	1,157,281,775,510	2,809,248,504,776	2,067,855,687,183	
4. Giá vốn hàng bán	11	1,257,170,218,203	1,000,140,600,482	2,483,732,493,545	1,840,390,017,523	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	188,005,464,649	157,141,175,028	325,516,011,231	227,465,669,660	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	48,924,431,896	177,913,338,840	80,818,806,612	191,138,357,924	
7. Chi phí tài chính	22	75,781,369,811	5,870,939,223	87,758,468,540	10,198,751,546	
Trong đó: chi phí lãi vay	23	7,727,794,411	5,205,657,571	16,948,760,403	9,533,469,894	
8. Chi phí bán hàng	24	66,979,842,520	60,590,914,414	117,712,111,133	107,560,060,638	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19,646,508,427	12,858,535,188	36,262,741,115	24,002,808,721	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	74,522,175,787	255,734,125,043	164,601,497,055	276,842,406,679	
11. Thu nhập khác	31	3,610,119,032	14,718,854	4,356,915,808	885,060,851	
12. Chi phí khác	32	1,730,669,311	2,632,370,474	1,969,628,597	3,685,602,778	
13. Lợi nhuận khác	40	1,879,449,721	(2,617,651,620)	2,387,287,211	(2,800,541,927)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	76,401,625,508	253,116,473,423	166,988,784,266	274,041,864,752	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16,008,363,009	16,453,785,112	31,580,528,035	21,348,042,818	
Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính						
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	60,393,262,499	236,662,688,311	135,408,256,231	252,693,821,934
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-	-

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

[Handwritten signature]

Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166,988,784,266	274,041,864,752
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	44,478,749,525	44,502,655,149
- Các khoản dự phòng	03	V.8,V.16	34,298,848,726	(24,819,098,721)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	13,359,987,427	3,914,899,415
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,VI.3,VI.7,VI.	(43,217,998,376)	(180,005,698,691)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	16,948,760,403	9,533,469,894
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		232,857,131,971	127,168,091,798
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10,099,699,296)	(131,761,934,503)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(162,897,011,187)	(66,360,789,937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		169,675,517,090	(118,050,032,234)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,384,228,819	186,464,837,001
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4,V.24	(16,948,760,403)	(9,533,469,894)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(23,576,256,837)	(20,361,975,270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	257,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.27	(8,015,088,018)	(8,200,795,247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		186,380,062,139	(226,657,440,412)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13,V.	(38,823,309,044)	(24,793,545,427)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	3,000,000,000	392,615,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(138,650,000,000)	(555,507,365,142)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		240,059,791,129	115,712,308,489
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		3,689,619,638	(157,574,451,626)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1,675,746,794	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	8,497,042,078	184,765,993,298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		79,448,890,595	(437,004,445,408)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

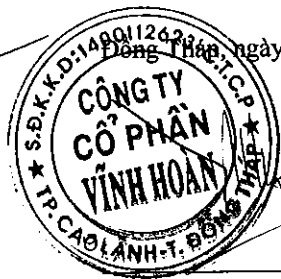
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	3,769,721,448,695	1,702,330,796,208
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(4,015,444,376,955)	(969,338,698,906)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	-	(90,268,733,175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(245,722,928,260)	642,723,364,127
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20,106,024,474	(20,938,521,723)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9,933,761,943	46,397,315,140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30,039,786,417	25,458,793,417

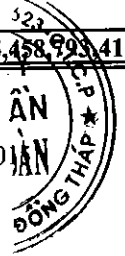
Đồng Tháp, ngày 08 tháng 08 năm 2015

Nhung
 Hà TPT Hồng Nhung
 Kế toán trưởng

Nhung
 Hà TPT Hồng Nhung
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Đào
 Nguyễn Thị Kim Đào
 Giám đốc tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

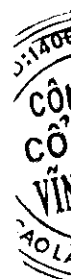
5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

823.
TY
I
A
A
-T.Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quý khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản : là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty thường xuyên có giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả : là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2015 :

Tỷ giá mua của NH Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM : 21.780

Tỷ giá bán của NH Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM : 21.840

Tỷ giá bán của NH Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp : 21.835

Tỷ giá bán của NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam) : 21.860

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.239.356.669	4.149.700.672
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.800.429.748	5.784.061.271
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>30.039.786.417</u>	<u>9.933.761.943</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	802.451.008.141	802.451.008.141
Cho Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 vay	130.950.000.000	261.400.000.000
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	74.800.000.000	104.259.791.129
Cho Công ty TNHH 1TV CBTP XK Vạn Đức Tiền Giang	58.500.000.000	-
Cộng	<u>1.066.701.008.141</u>	<u>1.168.110.799.270</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 802.200.000.000 VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	82.874.769.908	88.884.088.508
Các khách hàng nước ngoài	913.465.002.713	900.774.753.630
Cộng	<u>996.339.772.621</u>	<u>989.658.842.138</u>

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 8.750.000,00 USD đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	39.839.812.810	34.302.056.629
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	35.159.470.325	11.321.440.271
Cộng	<u>74.999.283.135</u>	<u>45.623.496.900</u>

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VNĐ và 6.781.450.000 VNĐ

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Vĩnh Hoàn Collagen 5 – lãi cho vay phải thu	10.685.022.223	6.722.883.334
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2 – lãi cho vay phải thu	750.020.000	246.245.391
Công ty TNHH Thực Phẩm Vạn Đức – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	485.771.094
Công Ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – tiền xuất khẩu ủy thác	17.474.308.652	18.101.168.778
Công Ty TNHH MTV Tổng công ty Lương Thực Miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	5.668.963.950
Phải thu tiền lãi gửi ngân hàng	35.832.636.770	10.287.401.389
Các khoản phải thu khác	6.536.242.200	410.316.789

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>71.278.229.845</u>	<u>41.922.750.725</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	60.219.374.276	55.703.886.927
Công cụ, dụng cụ	2.947.553.538	1.710.482.886
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	538.147.140.766	501.354.819.593
Thành phẩm	371.724.536.816	227.825.768.612
Hàng hóa	164.298.658	-
Hàng gửi đi bán	-	23.710.934.849
Cộng	<u>973.202.904.054</u>	<u>810.305.892.867</u>

Một số hàng hóa trong kho có giá trị là 8.750.000,00 USD đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu kỳ	42.438.996.449
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.000.000.000)
Trích dự phòng trong kỳ	20.998.393.473
Số cuối kỳ	<u>59.437.389.922</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	27.257.644.041	27,034,117,088
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>27.257.644.041</u>	<u>27.034.117.088</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	320.095.979.358	404.409.468.282	16.850.414.960	1.441.946.510	742.797.809.110

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đầu tư xây dựng hoàn thành	10.643.389.543	3.499.775.251	-	-	14.143.164.794
Mua sắm mới	47.511.364	17.803.220.952	4.743.410.909	1.121.760.000	23.715.903.225
Thanh lý, nhượng bán		(6.053.277.050)			(6.053.277.050)
Số cuối kỳ	330.786.880.265	419.659.187.435	21.593.825.869	2.563.706.510	774.603.600.079
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	117.894.859.611	314.787.048.914	8.588.336.848	1.179.004.094	442.449.249.467
Khấu hao tăng trong kỳ	17.258.842.750	25.414.058.115	1.451.489.303	152.135.914	44.276.526.082
Khấu hao giảm trong kỳ	-	(5.778.356.675)	-	-	(5.778.356.675)
Số cuối kỳ	135.153.702.361	334.422.750.354	10.039.826.151	1.331.140.008	480.947.418.874
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	202.201.119.747	89.622.419.368	8.262.078.112	262.942.416	300.348.559.643
Số cuối kỳ	195.633.177.904	85.236.437.081	11.553.999.718	1.232.566.502	293.656.181.205

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá theo sổ sách là 135.676.403.545 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	56.208.060.350	841.949.790	57.050.010.140
Mua trong kỳ	-	100.157.000	100.157.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	56.208.060.350	942.106.790	57.150.167.140
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	1.417.490.816	632.401.792	2.049.892.608
Khấu hao trong kỳ	162.035.743	40.187.700	202.223.443
Số cuối kỳ	1.579.526.559	672.589.492	2.252.116.051
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	54.790.569.534	209.547.998	55.000.117.532
Số cuối kỳ	54.628.533.791	269.517.298	54.898.051.089

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn theo giá trị sổ sách là 9.012.529.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát	Kết chuyển vào	Kết chuyển giảm	Số cuối kỳ
		sinh trong năm	TSCĐ trong năm	khác	
Mua sắm TSCĐ	61.219.348.062	10.571.112.000	(15.342.857.909)	-	56.447.602.153
Xây dựng cơ bản dở dang	2.903.764.181	13.728.522.919	(14.143.164.794)	(295.724.782)	2.193.397.524
Chi phí cho các ao nuôi cá	128.893.097	11.780.848.680	(11.346.553.180)	(160.866.600)	402.321.997
XDCB DD khác	2.774.871.084	1.947.674.239	(2.796.611.614)	(134.858.182)	1.791.075.527
Cộng	64.123.112.243	24.299.634.919	(29.486.022.703)	(295.724.782)	58.640.999.677

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱ⁾	-	-	-	8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱ⁾	-	99.300.000.000	-	99.300.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	311.000.000	-	311.000.000
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(iv)	8.500.000	85.000.000.000	8.500.000	85.000.000.000
Công ty TNHH 1TV CBTPXK Vạn Đức Tiền Giang ^(v)	25.542.396	359.982.611.404	25.302.396	356.600.000.000
Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang ^(vi)	-	155.000.000	-	-
Cộng		544.748.611.404		549.862.533.184

- (i) Ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% vốn của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425.000,00 theo hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 8 năm 2014..
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Trong năm Công ty đã mua 240.000 Cổ phiếu của Công ty TNHH 1TV CBTPXK Vạn Đức Tiền Giang với giá mua 3.382.611.404 VNĐ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 25.542.396 cổ phiếu, tương ứng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH 1TV CBTPXK Vạn Đức Tiền Giang.
- (vi) Năm 2014, Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014). Trong năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang 155.000.000 VNĐ.

Năm 2015 Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty Octagone Holdings Pte Ltd tại Singapore theo giấy xác nhận thành lập số 201506810H ngày 17 tháng 03 năm 2015 do Cơ Quan Quản Lý Doanh Nghiệp và Kế Toán (ACRA) cấp. Việc góp vốn vào công ty trên được thực hiện trong năm 2015-2016.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng và đầu tư khác.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của các Công ty con

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển tăng khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	38.664.764.489	5.776.443.159	(10.734.688.527)	722.977.366	34.429.496.487
Tiền thuê đất	5.689.969.180	285.225.000	(813.416.901)		5.161.777.279
Cộng	44.354.733.669	6.061.668.159	(11.548.105.428)	722.977.366	39.591.273.766

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	340.493.761.006	79.595.934.429
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	1.126.778.783.238	1.528.475.299.894
- Ngân hàng HSBC TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	90.123.380.143	159.473.821.089
Cộng	1.557.395.924.387	1.767.545.055.412

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của phân xưởng chế biến bột cá, mỡ cá. (xem thuyết minh V.11 và V.12)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2. (xem thuyết minh V.2, V.11, V.12)
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho. (xem thuyết minh V.3)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	1.767.545.055.412
Số tiền vay phát sinh	3.769.721.448.695
Số tiền vay đã trả	(4.015.444.376.955)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	35.573.797.235
Số cuối năm	1.557.395.924.387

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	133.472.461.745	144.807.390.469
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.499.561.649	2.023.483.856
Cộng	135.972.023.394	146.830.874.325

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	1.171.571.061	2.661.753.048
Các khách hàng nước ngoài	4.454.367.510	5.597.524.505
Cộng	5.625.938.571	8.259.277.553

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu(*)	(54.390.214)	22.542.640	(86.916.640)	(118.764.214)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(686.455.498)	1.482.819.001	(1.987.951.727)	(1.191.588.224)
Thuế TNDN	8.366.696.222	31.580.528.035	(23.576.256.837)	16.370.967.420
Thuế thu nhập cá nhân	1.372.201.684	2.809.976.405	(2.958.826.979)	1.223.351.110
Tiền thuê đất	-	1.690.355.173	(1.690.355.173)	-
Các loại thuế khác	-	290.861.090	(290.861.090)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	8.998.052.194	37.877.082.344	(30.591.168.446)	16.283.966.092

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản theo khoản 5 điều 11 thông tư 96/2015/TT-BTC. Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế suất 22%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và lương tháng 13 còn phải trả nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	-
Chi phí vận chuyển	2.680.689.717	3.154.890.000
Chi phí khác	3.727.754.932	3.750.130.932
Cộng	6.408.444.649	6.905.020.932

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	92.456.896.825	52.953.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	11.735.147.102	10.120.610.146
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	244.049.374.701	52.143.664.972
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.713.115.919	9.603.202.410
Các khoản phải trả khác	10.076.737.847	26.008.748.901

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	360.031.272.394	97.929.180.254

26. **Dự phòng phải trả ngắn hạn**
Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	56.492.605.526	20.000.000.000	(7.159.850.000)	69.332.755.526
Quỹ phúc lợi	855.238.018	-	(855.238.018)	-
Cộng	57.347.843.544	20.000.000.000	(8.015.088.018)	69.332.755.526

28. **Vốn chủ sở hữu**
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	565.763.546.167	1.333.407.460.812
Lợi nhuận năm trước		-		574.258.678.675	574.258.678.675
Trích các quỹ trong năm		-		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ		25.917.744.645	36.897.215.355		62.814.960.000
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng	1.977.900.000			(1.977.900.000)	-
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	308.012.400.000			(308.012.400.000)	-
Chia cổ tức trong kỳ				(90.309.244.500)	(90.309.244.500)
Số dư cuối năm trước	924.039.430.000	216.409.744.645	-	729.722.680.342	1.870.171.854.987
Số dư đầu năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	729.722.680.342	1.870.171.854.987
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng		-		-	-
Lợi nhuận trong kỳ		-		135.408.256.231	135.408.256.231
Trích các quỹ trong kỳ		-		(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ		-		-	-
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu		-		-	-
Chia cổ tức trong kỳ				(92.403.943.000)	(92.403.943.000)
Số dư cuối	924.039.430.000	216.409.744.645	-	752.726.993.573	1.893.176.168.218

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

năm nay		
Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Tổng doanh thu	2.815.035.743.857	2.069.340.090.634
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	294.705.573.453	305.239.609.786
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	2.025.320.374.665	1.440.652.640.025
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	20.063.277.834	28.121.169.528
- <i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	89.081.800.033	3.739.869.410
- <i>Doanh thu bán phụ phẩm</i>	385.864.717.872	291.586.801.885
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.787.239.081)	(1.484.403.451)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(321.067.642)	(88.828.451)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(5.466.171.439)	(1.395.575.000)
Doanh thu thuần	<u>2.809.248.504.776</u>	<u>2.067.855.687.183</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	294.705.573.453	305.239.609.786
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	2.019.533.135.584	1.439.257.065.025
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	20.063.277.834	28.121.169.528
- <i>Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu</i>	89.081.800.033	3.739.869.410
- <i>Doanh thu thuần bán phụ phẩm</i>	385.864.717.872	291.497.973.434

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Giá vốn hàng hóa	277.986.189.853	292.820.609.039
Giá vốn thành phẩm	1.724.026.986.416	1.306.336.761.824
Giá vốn nguyên liệu	87.462.154.469	4.219.173.797
Giá vốn phụ phẩm	411.255.556.280	256.989.630.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.998.393.473)	(19.976.157.415)
Cộng	2.483.732.493.545	1.840.390.017.523

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	25.545.235.381	7.365.142
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.737.632	57.843.522
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	-
Lãi tiền cho vay	10.957.859.569	3.400.181.893
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu, bán hàng trả chậm	2.314.077.007	1.698.071.656
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.270.150.229	11.074.815.711
Chuyển nhượng công ty con	1.675.746.794	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	174.900.080.000
Cộng	80.818.806.612	191.138.357.924

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Chi phí lãi vay	16.948.760.403	9.533.469.894
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.792.977.895	1.593.323.543
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.359.987.427	3.914.899.415
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	16.656.742.815	(4.842.941.306)
Cộng	87.758.468.540	10.198.751.546

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Chi phí nhân viên	6.353.557.791	4.051.794.111
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	12.931.819	41.724.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.705.888	76.076.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.110.082.177	63.521.724.720
Chi phí khác	40.158.833.458	39.868.740.805
Cộng	117.712.111.133	107.560.060.638

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Chi phí nhân viên quản lý	13.572.664.858	10.513.728.451
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.089.605.048	823.990.618
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.615.284.517	3.531.646.548
Thuế, phí và lệ phí	290.821.090	1.616.469.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.563.643	10.000.000
Chi phí khác	13.575.801.959	7.506.973.779
Cộng	36.262.741.115	24.002.808.721

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Các khoản nợ không phải trả	-	39.416.270
Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ	3.000.000.000	392.615.000
Thu nhập khác	1.356.915.808	453.029.581
Cộng	4.356.915.808	885.060.851

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2/2015	Quý 2/2014
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	274.920.375	392.615.000
Thuế bị phạt, truy thu	4.000.000	40.706.600
Chi phí khác	1.690.708.222	3.252.281.178
Cộng	1.969.628.597	3.685.602.778

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên chủ chốt và cá nhân có liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua cổ phần	563.768.567	356.600.000.000
Cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	14.292.463.080	15.924.292.360
Mua cổ phần	2.255.074.270	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và ban điều hành	541.693.123	419.499.372
Các cá nhân có liên quan	4.660.000.000	4.500.000.000
Cộng nợ phải trả	5.201.693.123	4.919.499.372

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH MTV chế biến TPXK Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	
Mua hàng hóa	754.000.000
Cung cấp dịch vụ, ủy thác xuất khẩu	505.663.638
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	18.455.854.404
Lãi cho vay ngắn hạn	2.560.137.320
Công ty cp Vĩnh Hoàn Collagen 5	
Mua hàng hóa, dịch vụ	10.115.235.161
Doanh thu cung cấp dịch vụ	394.860.681
Doanh thu bán thành phẩm, nguyên vật liệu, phụ phẩm	4.940.441.150
Bán TSCD	3.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	67.050.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	7.962.138.889
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ	547.672.927
Bán nguyên vật liệu	1.210.800
Cung cấp dịch vụ	113.973.464
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	-
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Tiền Giang	
Bán hàng hóa	138.381.765.425
Bán thành phẩm	15.815.800

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Cung cấp dịch vụ	18.124.002.238
Bán nguyên vật liệu	67.853.430.660
Cho vay ngắn hạn	71.600.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	308.981.000
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	53.061.549.933
Nhận ủy thác xuất khẩu	468.539.499.907
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	28.111.692.451

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CÔNG NỢ PHẢI THU	299.705.939.496	434.903.364.925
<i>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</i>		
Phải thu tiền cho vay	74.800.000.000	104.259.791.129
Phải thu lãi cho vay	750.020.000	246.245.391
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	-	3.935.743.333
<i>Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	-
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	485.771.094
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5</i>		
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	160.220.994
Phải thu tiền cho vay	130.950.000.000	261.400.000.000
Phải thu lãi cho vay	10.685.022.223	6.722.883.334
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng	6.546.588.621	39.591.540.872
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	17.165.327.652	18.101.168.778
Phải thu tiền cho vay	58.500.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	308.981.000	-
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
CÔNG NỢ PHẢI TRẢ	245.780.566.073	61.747.143.970
<i>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.713.115.919	9.603.202.410
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	-
Phải trả tiền hàng	19.075.453	276.588
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng	-	-
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	244.049.374.701	52.143.664.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 08 năm 2015

Nhung
Nhung



Hà TPT Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính